

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm có 01 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Mấy phen lần bước dặm thanh vân⁽¹⁾,
Đeo lợi⁽²⁾ làm chi luống nhọc thân.
Nhớ chúa lòng còn đơn một tác⁽³⁾,
Âu thì⁽⁴⁾ tóc đã bạc mười phân.
Trì thanh cá lợi in vừng nguyệt⁽⁵⁾,
Cây tĩnh chim về rợp bóng xuân.
Dầu phải dầu chẳng mặc thế,
Đắp tai biếng mắng⁽⁶⁾ sự vân vân.*

(Bảo kính cảnh giới - Bài 38

Trích Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, nguồn Thivien.net)

Chú thích:

- (1) Dặm thanh vân: chỉ con đường làm quan, con đường công danh
- (2) Đeo lợi: đeo đuôi con đường danh lợi
- (3) Lòng còn đơn một tác: một tác lòng son, một lòng trung thành
- (4) Âu thì: lo âu việc đời.
- (5) Vừng nguyệt: vầng trăng hoặc mặt trăng tròn
- (6) Mắng: có nghĩa là “nghe”. Nghĩa cả câu: bịt tai không muốn nghe việc này việc nọ.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,75 điểm) Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong văn bản trên.

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu hiệu quả của việc sử dụng từ Hán Việt trong câu sau: “*Trì thanh cá lợi in vừng nguyệt*”.

Câu 4. (1,0 điểm) Anh/chị hiểu như thế nào về thái độ của nhà thơ trước danh lợi trong câu thơ sau: *Đeo lợi làm chi luống nhọc thân* ?

Câu 5. (1,0 điểm) Nhận xét quan niệm về thế sự và lối sống của Nguyễn Trãi qua hai câu “*Dầu phải dầu chẳng mặc thế/Đắp tai biếng mắng sự vân vân*”.

Câu 6. (1,5 điểm) Từ văn bản trên, anh/chị hãy rút ra bài học để nuôi dưỡng tâm hồn của bản thân?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề: Sống có trách nhiệm của giới trẻ.

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 -2026
MÔN: NGỮ VĂN 10

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Thầy/Cô giáo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm* này để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, thầy/cô giáo cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong *Hướng dẫn chấm* phải được thống nhất trong Tổ chấm và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm toàn bài.

3. Bài thi được chấm theo thang điểm 10. Điểm lẻ toàn bài tính theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thể thơ: Thơ Nôm Đường luật/thất ngôn xen lục ngôn/thất ngôn biến thể. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời đáp án khác: 0,0 điểm	0,75
	2	Từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên: <i>Trì thanh, cá lội, vùng nguyệt, cây tình, chim về...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 3 từ ngữ, hình ảnh trở lên như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 2 từ; 0,5 điểm - Học sinh trả lời đáp án khác hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	3	- Chỉ ra được Từ Hán Việt: <i>Trì thanh, vùng nguyệt</i> - Hiệu quả: + Câu thơ hàm súc và có sắc thái trang trọng. + Miêu tả vẻ đẹp thanh khiết của cảnh vật thiên nhiên. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được Từ Hán Việt như đáp án: 0,25 điểm - Trả lời được hiệu quả: 0,75 điểm + Trả lời được ý 1: 0,25 điểm + Trả lời được ý 2: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: 0,0 điểm	1,0
	4	Thái độ của nhà thơ trước danh lợi trong câu thơ: - Phủ nhận, coi thường danh lợi - Mệt mỏi, chán chường Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,75 điểm - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: 0,0 điểm * Lưu ý: Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo nội dung trên, giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm.	1,0

5	Nhận xét quan niệm về thể sự và lối sống của Nguyễn Trãi: - Không quan tâm đến chuyện thị phi, chuyện của người đời. - Sống tích cực, lạc quan, thanh nhàn, tự do tự tại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,75 điểm - Học sinh không trả lời: 0,0 điểm * Lưu ý: Học sinh có thể chọn những cách diễn đạt tương tự.	1,0
6	Từ văn bản rút bài học: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, sau đây là một gợi ý : - Yêu quê hương, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống. - Sống giản dị nuôi dưỡng tâm hồn. - Sống lạc quan, có lí tưởng. - Trân trọng những điều giản dị trong cuộc sống Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,75-1,0 điểm. - Học sinh trả lời chung chung: 0,25 - 0,5 điểm - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: 0,0 điểm * Lưu ý: Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo nội dung trên, giáo viên căn cứ vào mức độ thuyết phục để cho điểm.	1,5
II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về vấn đề xã hội: Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; thân bài triển khai được các nội dung về vấn đề nghị luận, kết bài nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Sống có trách nhiệm	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần triển khai được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một số gợi ý: - Giải thích được vấn đề nghị luận: Sống có trách nhiệm là ý thức đầy đủ về nghĩa vụ, bổn phận của mình đối với bản thân, gia đình và xã hội, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả, không đổ lỗi, luôn nỗ lực hoàn thiện bản thân, hoàn thành tốt công việc và đóng góp tích cực cho cộng đồng, giúp cuộc sống ý nghĩa và phát triển hơn. - Phân tích các biểu hiện: + Đối với bản thân: Yêu thương, chăm sóc sức khỏe, học tập và phát triển bản thân, không ngừng hoàn thiện mình, làm chủ cuộc sống. + Trong công việc/học tập: Làm việc nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.	3,0 0,25 2,0

	+ Đối với gia đình: Hiếu thảo, quan tâm, chăm sóc cha mẹ, làm tròn bổn phận người con/cháu, giữ gìn nhà cửa gọn gàng, không làm phiền lòng người thân. + Đối với xã hội: Tham gia các hoạt động cộng đồng (sống xanh, giảm rác thải), tôn trọng pháp luật, có ý thức vì lợi ích chung, đóng góp tích cực cho sự phát triển. + Trong ứng xử: Luôn giữ lời hứa, biết nhận lỗi và sửa sai, không đổ lỗi cho hoàn cảnh hay người khác, chủ động giải quyết vấn đề. - Ý nghĩa: Giúp chúng ta ngày càng hoàn thiện mình, được mọi người yêu quý, tin tưởng..... - Bàn luận phê phán lối sống thiếu trách nhiệm.... - Rút ra bài học nhận thức và hành động.	0,25 0,25
	d. Chính tả, ngữ pháp: bài viết không mắc các lỗi về chính tả, ngữ pháp	0,25
	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng rõ, mạch lạc; sử dụng linh hoạt, phù hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	HƯỚNG DẪN CHẤM a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng bài văn: <i>cho 0,25 điểm</i> b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>cho 0,25 điểm</i> c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: <i>cho 3,0 điểm</i> - Ý giải thích <i>cho 0,25 điểm</i> - Ý phân tích <i>cho 2,0 điểm</i> - Ý bình luận <i>cho 0,5 điểm</i> - Ý rút ra bài học <i>cho 0,25 điểm</i> d. Chính tả, ngữ pháp <i>cho 0,25 điểm</i> e. Sáng tạo: <i>cho 0,25 điểm</i> Lưu ý: Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt, chính tả, dùng từ và viết câu): - Trừ 0,5 điểm nếu bài văn mắc từ 6 - 8 lỗi; - Trừ 1,0 điểm nếu bài văn mắc từ 9 - 12 lỗi; - Không chấm quá 2,0 điểm của cả câu nếu bài văn mắc trên 12 lỗi.	